

Đơn vị: Sở Tài chính

Mẫu biểu số 76

Chương: 418

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày /5 /2026 của Sở Tài chính.)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt (VP Sở Tài chính)	Số quyết toán được duyệt (Trung tâm DVTC và HTDN tỉnh)
1	2	3	4	5=4-3	6	
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>					
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>52.868</b>	<b>52.868</b>	<b>-</b>	<b>45.726</b>	<b>7.142</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>52.868</b>	<b>52.868</b>	<b>-</b>	<b>45.726</b>	<b>7.142</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>45.229</b>	<b>45.229</b>	<b>-</b>	<b>45.229</b>	<b>-</b>
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	21.724	21.724	-	21.724	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	23.505	23.505	-	23.505	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>					
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>	<b>756</b>	<b>756</b>	<b>-</b>	<b>57</b>	<b>699</b>
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	756	756		57	699
<b>4</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>6.883</b>	<b>6.883</b>	<b>-</b>	<b>440</b>	<b>6.443</b>
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.173	3.173			3.173
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.710	3.710		440	3.270